

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HS-ST
Ngày 23/02/2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hồng Sơn và bà Vũ Thị Lan Anh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Cao Khải - Kiểm sát viên.

Ngày 23/02/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2023/TLST- HS, ngày 18/01/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST- HS, ngày 10/02/2023 đối với bị cáo:

- **Dương Trọng B**, sinh năm 1975; nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố N, phường Đ, quận N, thành phố H; nơi tạm trú và nơi ở hiện tại: CH 2307B, CHUNG CƯ GEMEK 2 - xã A, huyện H, thành phố H; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Dương Văn B (đã chết) và con bà Phạm Thị S; có vợ: Phùng Thị Kim A; Có 02 con (con lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương (có mặt).

* Bị hại:

- Bà Đỗ Thị V, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh B (đã chết).

- Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của bà V:

+ Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1942 (mẹ đẻ bà V); nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh B.

+ Ông Nguyễn Đình N, sinh năm 1972 (chồng bà V); nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh B (vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Đình V, sinh năm 1993 (con đẻ bà V); nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh B.

+ Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1998 (con đẻ bà V); nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh B.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị X, anh Nguyễn Đình V và anh Nguyễn Đình T: Ông Nguyễn Đình N, sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh B (vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị B: Ông Nguyễn Bá L, sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài L có trong vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt N sau:

Dương Trọng B có giấy phép lái xe ô tô hạng C, thời hạn sử dụng đến ngày 06/12/2024. Khoảng 06 giờ 10 phút ngày 06/6/2022, B điều khiển xe ô tô tải BKS: 29C-817.25 chở theo bà Nguyễn Thị Diệp, sinh năm 1959; trú tại: Tổ dân phố P, phường T, quận N, thành phố H (sư thầy trụ trì chùa Mô Cải ở Đ, N, H) và đồ cúng ở thùng sau xe đi từ chùa Mô Cải đến xã Ninh Xá, huyện T, tỉnh B để làm lễ cho nhà người dân ở đây. Trước khi điều khiển xe ô tô, B không sử dụng rượu bia hay chất kích thích gì khác. Đến khoảng 06 giờ 15 phút cùng ngày, B điều khiển xe đi trên đường tránh Quốc lộ (QL)17 thuộc địa phận xã G, huyện T theo hướng từ QL 17 đi QL 38. Khi đi đến đoạn ngã tư giao nhau giữa đường tránh QL 17 với đường liên xã N - Đ, B quan sát thấy có khoảng 03 đến 04 xe mô tô đi trên đường liên xã, đi thẳng qua ngã tư đi theo hướng từ xã N đi xã Đ. Khi những xe mô tô này đi qua ngã tư, B vẫn quan sát về phía bên phải (hướng xã N) và tăng ga để điều khiển xe ô tô của mình qua ngã tư. Khi vừa vào ngã tư một đoạn thì B quay lại nhìn về phía trước thì quan sát thấy xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave anpha, BKS: 99H6-3881 do bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1972; trú tại: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh B điều khiển chở sau bà Đỗ Thị V, sinh năm 1974 ở cùng thôn đi trên đường liên xã hướng từ xã Đ đi xã N thì xe mô tô của chị V, chị B đã ở vị trí ngay trước đầu xe của B, cách khoảng 01 mét. Do khoảng cách quá gần, không kịp xử lý nên phần đầu xe ô tô của B đã đâm vào phần thân xe mô tô bên phải của chị V, chị B làm xe mô tô bị đổ nghiêng trái. Ngay lúc này B đạp hết phanh và đánh lái sang phải theo quán tính, xe ô tô của B đẩy xe mô tô của bà B về phía trước khoảng hơn 10 mét thì dừng lại còn bà V bị hất xuống ruộng, bà B bị hất văng ra đường. Hậu quả, bà V và bà B bị thương nặng đã được B cùng người dân đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh B. Đến ngày 24/6/2022, bà V tử vong. Còn bà B được điều trị tại Bệnh đa khoa tỉnh B đến ngày 19/7/2022 thì ra viện.

Sau khi nhận tin báo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi và áp dụng các biện pháp điều tra, xác minh làm rõ nội dung vụ tai nạn. Kết quả điều tra, xác minh N sau:

*** Khám nghiệm hiện trường:**

Hiện trường nơi xảy ra tai nạn là tại ngã tư giao nhau giữa đường tránh QL17 - QL38 với đường liên xã Đ - N đoạn thuộc địa phận thôn A, xã Đ, huyện T, tỉnh B. Phía Bắc là hướng đi QL 17, phía Nam là hướng đi QL 38; phía Đông là hướng đi xã Đ, phía Tây là hướng đi xã Nguyệt Đức. Mặt đường được trải nhựa tương đối bằng phẳng, giữa tim đường có vạch kẻ nét đứt màu vàng, lòng đường tránh QL17 - QL38 rộng 7,5 mét, lòng đường liên xã Đ - N rộng 7,3 mét.

Lấy mép đường phía Tây nơi xảy ra tai nạn làm chuẩn. Lấy cột điện 16M/Lô 371 - E 279 làm mốc.

Quá trình khám nghiệm phát hiện xe ô tô BKS: 29C-817.25 đỗ trên ngã tư, đầu xe quay hướng Tây Nam, đuôi xe quay hướng Đông Bắc. Trục trước, trục sau bên phải xe cách mép đường phía Tây lần lượt là 0,8 và 0,7 mét. Trục sau, trục trước bên trái xe cách mép đường phía Tây lần lượt là 0,2 mét và 0,3 mét.

Phát hiện xe mô tô BKS: 99H6-3881 nằm đổ nghiêng trái ngay dưới đầu xe ô tô, BKS: 29C-817.25, đầu xe quay hướng Tây Bắc, đuôi xe quay hướng Đông Nam; trục trước, trục giữa, trục sau xe cách mép đường phía Tây lần lượt là 0,2 mét, 1,3 mét và 0,6 mét. Trục trước xe mô tô cách trục trước bên phải xe ô tô BKS: 29C-817.25 là 1,3 mét.

Vết phanh thứ nhất (ký hiệu VP1) dài 13,6 mét, chiều hướng Bắc - Nam, điểm cuối trùng với trục sau bên trái xe ô tô BKS: 29C-817.25. Đầu VP1 cách mép đường phía Tây là 3,05 mét.

Vết phanh thứ hai (ký hiệu VP2) dài 12,6 mét, chiều hướng Bắc - Nam, điểm cuối trùng với trục sau bên phải xe ô tô BKS: 29C-817.25. Đầu vết phanh 2 cách mép đường phía Tây là 1,9 mét.

Vết phanh thứ 3 ký hiệu (VP3) dài 11,7 mét, chiều hướng Bắc - Nam, điểm cuối kết thúc tại trục trước bên trái xe ô tô, BKS: 29C-817.25. VP3 cách mép đường phía Tây 2,75 mét.

Vết lốp mô tô (ký hiệu VLXM) diện (40x55) cm và cách vết phanh 2 về phía Nam là 1,1 mét. Tâm VLXM cách mép đường phía Tây là 2,5 mét.

Cách VLXM về phía Nam 0,7 mét là vết cày không liên tục (ký hiệu VC) dài 14,8 mét. Chiều hướng Đông Bắc sang Tây Nam, đầu VC cách mép đường phía Tây là 2,1 mét, cuối VC trùng với bàn đạp chân trước bên trái xe mô tô BKS: 99H6 -3881.

Cách trục trước xe mô tô BKS: 99H6 - 3881 về phía Tây Nam 10,7 mét trên lề đường phát hiện ngay dưới chân cọc tiêu có dấu vết máu (ký hiệu VM) diện (30x20) cm.

Cách cọc tiêu trên 2,6 mét về phía Tây Nam phát hiện vết dập nát lúa (ký hiệu VP) nằm ngay sát lề đường cách VLXM là 1,1 mét.

Quá trình khám nghiệm hiện trường đã thu giữ 01 xe ô tô BKS: 29C-817.25 và 01 xe mô tô BKS: 99H6-3881.

*** Khám nghiệm tử thi:** Tử thi được gia đình và địa phương xác nhận là bà Đỗ Thị V, sinh năm 1974; trú tại: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh B. Chiều dài tử thi 1,54 mét, thể tạng B thường. Tình trạng tử thi xác cứng.

Vùng trán bên trái ngay sát đường giữa và sát trên cung lông mày đến vùng trán đỉnh bên trái có vết rách da dạng phức tạp đã được khâu trên diện (10x6)cm, bề mặt đã khô và bong vảy hoàn toàn.

Vùng gò má bên trái có diện sây sát da kích thước (3x3,5)cm, bề mặt đã khô và bong vảy hoàn toàn.

Vùng môi trên bên phải đến vùng góc miệng phải và vùng cằm có diện sây sát da không liên tục kích thước (7,5x6,5)cm, bề mặt đã khô và bong vảy hoàn toàn.

Hai mắt nhắm, niêm mạc nhợt nhạt, 2 nhãn cầu không phát hiện tổn thương. Hai lỗ tai, mũi, miệng khô, môi tái nhợt, răng, lợi, lưỡi không phát hiện tổn thương.

Mặt trước cánh tay phải có vết mổ nằm dọc đã được khâu dài 12 cm. Mặt sau nửa dưới cánh tay phải đến khuỷu tay có diện sây sát da không liên tục kích thước (15x6)cm, bề mặt đã khô và bong vảy 1 phần.

Mu bàn tay phải có một số vết sây sát da không liên tục trên diện (3x4) cm, bề mặt đã khô và bong vảy hoàn toàn.

Mặt sau ngoài khuỷu tay trái đến nửa trên cẳng tay có diện sây sát da không liên tục kích thước (11x4)cm. Mu bàn tay trái rải rác có một số vết sây sát da không liên tục trên diện (8x3)cm. Mặt trước đầu gối trái có một số vết sây sát da không liên tục trên diện (5x4)cm. Các vết sây sát da trên đã khô và bong vảy hoàn toàn.

Vùng cẳng chân phải có giá kết hợp xương, mặt cẳng chân phải trước trong 1/3 trên có vết sây sát da kích thước (3,5x3)cm. Khung chậu vững, bộ phận sinh dục không phát hiện tổn thương. Vùng lưng mông không phát hiện tổn thương.

Không giải phẫu tử thi do gia đình kiên quyết từ chối.

Giám định nguyên nhân chết của bà V: Ngày 24/6/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện T ra Quyết định trưng cầu giám định số 124 trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B giám định nguyên nhân chết của bà V. Ngày 05/7/2022, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B có bản kết luận giám định số 1090 kết luận: Không đủ cơ sở kết luận nguyên nhân chết của Nguyễn Thị V.

Giám định tỷ lệ phần trăm thương tích của bà B: Ngày 30/9/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện T ra Quyết định trưng cầu giám định tỷ lệ phần trăm thương tích và cơ chế hình thành thương tích của bà B. Ngày 27/10/2022, Trung tâm pháp y tỉnh B có bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 130 kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định hiện tại:

- Thương tích vùng trán phải, cách gốc mũi 2,5 cm, trên diện (3,4x1,7) cm, sẹo nông, màu hồng nhạt, liền sẹo tốt. Áp dụng Chương 8 tỷ lệ tổn thương cơ thể do tổn thương phần mềm. Mục I.2. Sẹo trung B = 2%.

- Thương tích vùng cằm, sẹo loét do tỷ đè, trên diện (4,5x1,2) cm, sẹo di động, màu hồng nhạt, liền sẹo tốt. Áp dụng Chương 8 tỷ lệ tổn thương cơ thể do tổn thương phần mềm. Mục I.2. Sẹo trung B = 2%.

- Thương tích sẹo mở khí quản kích thước (1x1) cm, đã liền sẹo. Áp dụng Chương 8 tỷ lệ tổn thương cơ thể do tổn thương phần mềm. Mục I.1. Sẹo nhỏ = 1%.

- Thương tích sẹo dẫn lưu màng phổi trái, đường rạch giữa 2 khoang liên sườn V, kích thước (3x1,5) cm, liền sẹo tốt. Áp dụng Chương 8 tỷ lệ tổn thương cơ thể do tổn thương phần mềm. Mục I.2. Sẹo trung B = 2%.

- Thương tích sẹo dẫn lưu màng phổi phải, đường rạch giữa khoang liên sườn V, kích thước (3x1,5) cm, liền sẹo tốt. Áp dụng Chương 8 tỷ lệ tổn thương cơ thể do tổn thương phần mềm. Mục I.2. Sẹo trung B = 2%.

- Thương tích vùng thắt lưng trái, rối loạn sắc tố da trên diện (4x2,5) cm. Áp dụng Chương 8 tỷ lệ tổn thương cơ thể do tổn thương phần mềm. Mục I.1. Sẹo nhỏ = 1%.

- Thương tích vùng mồm cắt, sẹo loét do tỷ đè, kích thước (0,7x0,7) cm, sẹo màu nâu nhạt, liền sẹo tốt. Áp dụng Chương 8 tỷ lệ tổn thương cơ thể do tổn thương phần mềm. Mục I.1. Sẹo nhỏ = 1%.

- Thương tích 1/3 giữa dưới vùng đùi phải, sẹo lấy da ghép, kích thước (20x4) cm, liền sẹo tốt. Áp dụng Chương 8 tỷ lệ tổn thương cơ thể do tổn thương phần mềm. Mục IV.1 = 1%.

- Thương tích 1/3 trên giữa cẳng chân phải, cách xương bánh chè 3,5 cm, sẹo phẫu thuật, kích thước (22x1) cm, bờ mép gọn, liền sẹo tốt. Áp dụng Chương 8 tỷ lệ tổn thương cơ thể do tổn thương phần mềm. Mục I.3. Sẹo lớn = 3%.

- Thương tích 1/3 dưới trước cẳng chân phải, cách mắt cá trong chân phải 3 cm, kích thước (9,5x1) cm, bờ mép sắc gọn, liền sẹo tốt. Áp dụng Chương 8 tỷ lệ tổn thương cơ thể do tổn thương phần mềm. Mục I.3. Sẹo lớn = 3%.

- Thương tích vùng bàn chân phải, từ mu bàn chân đến gót chân phải, diện (11,5 x7) cm, đã liền sẹo. Áp dụng Chương 8 tỷ lệ tổn thương cơ thể do tổn thương phần mềm. Mục I.3. Sẹo lớn = 3%.

- Thương tích vùng gối trái, sẹo kích thước (5,5x5,5) cm, sẹo màu nâu, liền sẹo tốt. Áp dụng Chương 8 tỷ lệ tổn thương cơ thể do tổn thương phần mềm. Mục I.3. Sẹo lớn = 3%.

- Chụp cắt lớp vi tính sọ não ngày 06/6/2022: Hình ảnh đưng dập, tụ máu nhu mô não nhân bèo - bao trong trái. Tụ máu dưới màng cứng liềm đại não. Chảy máu dưới nhện vùng trán đỉnh 2 bên. Hiện tại chụp CT- Scanner sọ não ngày 04/10/2022: Hình

ảnh nhu mô não cạnh sừng trán não thất bên trái có ổ tỷ trọng thấp kích thước sấp xỉ (21x8,7) mm không thấy phù não xung quanh. Di chứng liệt nhẹ $\frac{1}{2}$ người phải. Áp dụng chương 1 tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tổn thương xương sọ và hệ thần kinh. Mục V.2.8 = 38 %.

- Vỡ xương trán trái (Theo kết quả hội chẩn của Công văn số 7048 ngày 25/10/2022 của Bệnh viện đa khoa tỉnh B). Áp dụng chương 1 tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tổn thương xương sọ và hệ thần kinh. Mục I.2.1 = 8%.

- Vỡ trần hốc mắt trái không di lệch. Áp dụng chương 10 tỷ lệ % tổn thương cơ thể do tổn thương cơ quan thị giác. Mục XIII.1 = 5 %.

- Vỡ thành trước Xng hàm trái không di lệch. Áp dụng chương 12 tỷ lệ % tổn thương cơ thể do tổn thương cơ quan tai mũi họng. Mục II.4.1 = 7 %.

- Dày cơ kéo màng phổi 2 bên. Áp dụng chương 3 tỷ lệ % tổn thương cơ thể do tổn thương cơ quan hô hấp. Mục III.6 = 16%.

- Vỡ xương bả vai phải không di lệch. Áp dụng chương 7 tỷ lệ % tổn thương cơ thể do tổn thương hệ cơ xương khớp. Mục I.6.3 = 8%.

- Gãy mỏm N D1 phải không di lệch. Áp dụng chương 7 tỷ lệ % tổn thương cơ thể do tổn thương hệ cơ xương khớp. Mục VII.5.1 = 4%.

- Gãy xương sườn số 5,6,8,9,10,11 phải gãy ở 1 điểm đang có can xương. Áp dụng chương 3 tỷ lệ % tổn thương cơ thể do tổn thương cơ quan hô hấp. Mục II.1 = 2%. Gãy 6 xương = 11,42 %.

- Gãy xương sườn số 2,3,4,7 phải gãy ở 2 điểm đang có can xương. Áp dụng chương 3 tỷ lệ % tổn thương cơ thể do tổn thương cơ quan hô hấp. Mục II.3 = 2,5%. Gãy 4 xương = 9,63 %.

- Gãy xương sườn 1,2,3,4,5 trái gãy 1 điểm đã có can xương. Áp dụng chương 3 tỷ lệ % tổn thương cơ thể do tổn thương cơ quan hô hấp. Mục II.1 = 2%. Gãy 5 xương = 9,611 %.

- Hình ảnh nội tủy xương chày phải sau gãy xương chày 3 vị trí (1/3 trên, 1/3 giữa và 1/3 dưới) thẳng trục đã có can xương, gãy 1/3 giữ xương mác phải đã có can xương còn di lệch nhiều. Áp dụng chương 7 tỷ lệ % tổn thương cơ thể do tổn thương hệ cơ xương khớp. Mục VIII.13.2.1 = 23%.

- Gãy đầu gần xương bàn II chân phải và gãy đầu xa xương bàn II chân phải còn lệch trục nhẹ. Áp dụng chương 7 tỷ lệ % tổn thương cơ thể do tổn thương cơ xương khớp. Mục IX.15.1 = 5%.

2. Căn cứ phương pháp cộng tại Thông tư số 22 ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y tế quy định phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 84,48%. Làm tròn là 84%.

3. Cơ chế là do tác động tương hỗ với vật tày.

Khám phương tiện xe mô tô BKS: 99H6-3881:

Đầu tay lái bên phải có vết trượt bám dính chất màu xanh trên diện (2,3x2)cm, dấu vết cách mặt đất 94,5cm. Gãy mất đoạn đầu tay phanh, đoạn tay phanh còn lại dài 11cm. Tay lái bên phải hơi cong về phía sau. Phần ốp nhựa màu đen phía sau tay lái nứt vỡ diện (11x8)cm.

Mặt đèn pha bên trái, mặt đèn báo rẽ bên trái (phía trước) và mặt trước nửa bên trái nắp ốp đầu trụ ốc có dấu vết xước diện (18x9)cm, chiều từ trên xuống dưới.

Mặt trước chân gương bên trái có dấu vết xước không liên tục trên diện (12,5x0,7)cm.

Tay lái bên trái cong xuống dưới. Mặt trước đầu tay lái xước, rách nhám nhỏ trên diện (2,5 x1)cm.

Phần nắp ốp màu đen phía sau tay lái có dấu vết vỡ nằm dọc dài 6,5 cm, tạo khe rộng 0,4 cm.

Vỡ mất mảnh nửa phía dưới cánh yếm bên phải diện (28x10,5)cm.

Mặt ngoài cánh yếm bên trái có diện xước kích thước (8x7)cm.

Mặt trên bên trái đầu chắn bùn phía trước xước diện (9x1)cm.

Ốc đầu trục bên trái bánh trước bám chất màu trắng diện (1x0,2)cm.

Mặt ngoài đầu dưới giảm xóc phía trước bên trái bám chất màu trắng diện (1x0,2)cm.

Phía trên vỏ ốc máy bên phải vỡ mất mảnh diện (22x12)cm. Mặt ngoài đầu trên cần đạp khởi động có dấu vết trượt bám chất màu xanh diện (0,5 x 0,4)cm. Dấu vết cách mặt đất 36,5cm.

Vỡ mất mảnh nắp ốp nhựa bên phải trên vỏ ốc máy.

Mặt ngoài ốp nhựa sườn bên phải có dấu vết trượt bám chất màu xanh diện (21x8)cm, cách mặt đất 54,5cm, cao nhất là 61cm.

Cần số ép sát vào vỏ ốc máy và khung sắt bàn để chân sau bên trái; Đầu vỏ bọc bàn đạp lên số xước, rách nhám nhỏ diện (2x1)cm.

Bàn để chân trước bên trái cong lên trên, ép sát vào vỏ ốc máy, đầu khung xước mài mòn diện (1,6x1,6)cm.

Mặt trước bàn để chân sau bên trái và hai tai gắn xước nhám nhỏ diện (12,5x2,5)cm.

Đầu phần cần gạt chân chống giữa xước diện (1x1) cm. Đoạn bên trái tay nắm đuôi xe cong xuống dưới, ép sát vào sườn xe. Mặt ngoài đoạn tay nắm xước, rách nhám nhỏ diện (23x2,5)cm chiều từ trên xuống dưới.

Cạnh ngoài bên trái ốp biển số xước diện (2x04)cm.

Gãy rời lò xo giảm xóc bánh sau bên phải. Mặt ngoài lò xo này có dấu vết trượt bám chất màu xanh diện (12,5x1,5)cm. Dấu vết cách mặt đất 34,5 cm. Mặt ngoài

phần đầu phía dưới giảm xóc này có dấu vết trượt bám chất màu xanh diện (3x1,2)cm, cách mặt đất 34cm.

Mặt thành lốp và mép vành phía sau bên phải có dấu vết trượt bám chất màu xanh diện (4,5x4,3)cm. Dấu vết cách số “250 - 17” trên mặt thành lốp 6,5cm và đối diện chân van qua vành.

Phần đầu bên phải biển số cong về sau sang trái. Mặt cạnh ngoài và mặt trước ốp biển số tại vị trí này có diện trượt bám chất màu xanh diện (6,5x1)cm, cách mặt đất 48 cm, cao nhất 52,5cm.

Các số đo dấu vết cách mặt đất nêu trên được đo khi xe đứng thẳng trên 2 bánh.

Khám phương tiện xe ô tô BKS: 29C-817.25

Toàn bộ kính lái vỡ vụn diện (150x76) cm. Trên bề mặt dấu vết có dấu vết lõm kích thước (70x20)cm. Tâm vết cách mép bên trái kính 87cm.

Ốp nhựa màu đen phía dưới kính có dấu vết lõm kích thước (50x16)cm, dấu vết cách mặt đất 117cm.

Mặt trước vỏ đầu xe có các dấu vết sau:

Dấu vết 1: Dấu vết lõm xước diện (8x2,5)cm, cách mặt đất 101cm, cách mặt ngoài bên trái khoang lái 120cm.

Dấu vết 2: Dấu vết in trượt diện (9,5x3)cm, cách mặt đất 105 cm, cách mặt đất 105 cm, cách dấu vết 1 là 21cm về bên trái.

Dấu vết 3: Dấu vết móp méo biến dạng diện (53x23)cm, cách dấu vết 2 là 15 cm về bên trái, cách mặt đất 82cm, cao nhất 115cm.

Toàn bộ tấm vỏ đầu xe có dấu vết dồn đẩy sang phải tạo khe hở với góc bên trái đầu xe 3cm.

Đầu bên trái lô gô trước đầu xe có dấu vết in trượt (1,5x1,5)cm cách mặt đất 74 cm.

Mặt ca lăng có dấu vết vỡ mất mảnh diện (7x4,5)cm. Cách lô gô 13cm cách mặt đất 74cm.

Mặt cản trước có các dấu vết:

Dấu vết 1: Dấu vết trượt bám chất màu đỏ diện (23x6) cm. Vị trí dấu vết ở giữa dưới biển số và lô gô, cách mặt đất thấp nhất 42 cm, cao nhất 47 cm.

Dấu vết 2: Dấu vết xước mất sơn diện (2,5x0,4) cm, dấu vết cách dấu vết 1 là 2,5cm, thấp nhất cách mặt đất 40,5cm, cao nhất cách đất 42,5cm.

Dấu vết 3: Dấu vết xước không liên tục kích thước (12x11)cm, cách mặt đất 41,5 cm, cao nhất 53 cm, cách đầu bên trái cản trước 63 cm, cách dấu vết 2 là 14 cm về bên trái.

Dấu vết 4: Dấu vết trượt mất một phần sơn xanh và bám chất màu đỏ kích thước (11x11)cm, cách biển số 13cm về bên trái, cách mặt đất 54,5 cm, cao nhất 65 cm.

Dấu vết 5: Dấu vết xước kích thước (4,5x0,5) cm, cách dấu vết 3 là 16 cm về bên trái, cách mặt đất 39 cm, cao nhất 39,5 cm.

Dấu vết 6: Vết trượt bám chất màu xám đen diện (10x3) cm, cách dấu vết 5 là 1,5cm về bên trái và sát mép dưới cản trước, cách mặt đất 39cm, cao nhất 47cm.

Dấu vết 7: Dấu vết trượt xước kích thước (8,5x5,5)cm cách dấu vết 5 là 13cm về phía trên, sang trái, cách mặt đất 52cm, cao nhất 56cm.

Giám định cơ chế hình thành dấu vết: Ngày 24/6/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện T ra Quyết định số 122 trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự giám định cơ chế hình thành dấu vết, vị trí va chạm của phương tiện. Ngày 27/7/2022, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B có bản Kết luận giám định số 1208, kết luận:

1) Dấu vết lõm, mất sơn tại mặt trước đầu xe ô tô BKS: 29C-817.25 có chiều từ trái sang phải, từ trước về sau, hình thành do va chạm với đầu tay lái bên phải trên xe mô tô BKS: 99H6-3188 tạo nên. Dấu vết trượt, bám chất màu xanh tại vị trí va chạm này trên xe mô tô BKS: 99H6-3881 có chiều từ trước về sau, từ phải sang trái.

2) Dấu vết hằn, xước, mất sơn tại mặt cản trước trên xe ô tô biển số 29C-817.25 có chiều từ trước về sau. hình thành do va chạm với mặt ngoài giảm xóc bên phải bánh sau trên xe mô tô biển số 99H6-3881 tạo nên. Dấu vết trượt, bám chất màu xanh tại vị trí va chạm này trên xe mô tô biển số 99H6-3881 có chiều từ phải sang trái.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Dương Trọng B đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của bản thân N đã nêu trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài L, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong quá trình điều tra vụ án.

Tại bản cáo trạng số: 08/CT- VKSTT, ngày 18/01/2023 của VKSND huyện T đã truy tố đối với bị cáo Dương Trọng B về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a,b khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa đã phân tích động cơ, mục đích, nhân thân, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã giữ nguyên nội dung N bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bố với bị cáo Dương Trọng B phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”;

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Dương Trọng B từ 24 tháng đến 30 tháng tù, Nng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung cấm hành nghề đối với bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại bị cáo 01 giấy phép lái xe hạng C số: 990993991620 do Sở Giao thông vận tải thành phố H cấp ngày 06/12/2019 ghi họ tên Dương Trọng B.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhất trí với bản luận tội của VKS và không có ý kiến gì.

Bị cáo nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ tài L có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay mặc dù người đại diện theo pháp luật của bà V là ông Nguyễn Đình N vắng mặt; người đại diện theo uỷ quyền của người đại diện theo pháp luật của bà Đỗ Thị V là bà Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Đình V và anh Nguyễn Đình T: Ông Nguyễn Đình N vắng mặt; người đại diện theo uỷ quyền của bà B: Ông Nguyễn Bá L vắng mặt. Nng ông N và ông L đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ; ông N và ông L đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của ông N và ông L không ảnh hưởng gì đến nội dung vụ án nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông N và ông L là phù hợp quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Dương Trọng B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. N vậy có đủ cơ sở kết luận: Dương Trọng B có giấy phép lái xe hạng C số: 990993991620 do Sở Giao thông vận tải thành phố H cấp ngày 06/12/2019, có giá trị đến ngày 06/12/2024. Khoảng 06 giờ 15 phút ngày 06/6/2022, tại ngã tư giao nhau giữa đường tránh QL17 - QL38 với đường liên xã Đ - N đoạn thuộc địa phận thôn A, xã Đ, huyện T, tỉnh B, Dương Trọng B đã có hành vi điều khiển xe ô tô BKS: 29C-817.25 chở theo bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1959; trú tại: Tổ dân phố Phú T, phường T, quận N, thành phố H trên đường tránh QL17 theo hướng từ QL17 đi QL38 vào ngã tư không chú ý quát sát, không đảm bảo được tốc độ, không đảm bảo an toàn đã gây tai nạn giao thông. Phần đầu xe ô tô do B điều khiển đã đâm N vào xe mô tô BKS: 99H6-3881 do bà Nguyễn Thị B điều khiển chở sau bà Đỗ Thị V đang đi trên đường liên xã hướng từ xã Đ đi xã N. Hậu quả, bà V và bà B bị thương nặng phải đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh B. Đến ngày 24/6/2022, bà V tử vong. Còn bà B bị tổn hại 84 % sức khỏe. Xét hành vi trên của bị cáo đã vi phạm khoản 23 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ và đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự. Từ

nhận nhận định trên, HĐXX xác định Cáo trạng của VKSND huyện T đã truy tố đối với bị cáo đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Đối với bị cáo còn có thể áp dụng hình phạt bổ sung là cấm hành nghề từ 01 năm đến 05 năm theo khoản 5 Điều 260 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy, nghề lái xe là nghề chính và thu nhập chính của bị cáo. Để đảm bảo cuộc sống của bị cáo và gia đình bị cáo nên HĐXX không áp dụng hình phạt cấm hành nghề lái xe đối với bị cáo là phù hợp quy định của pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm tới khách thể của tội phạm là sự xâm phạm trật tự công cộng, xâm hại đến tính mạng, sức khỏe và tài sản được pháp luật hình sự bảo vệ. Chỉ vì thiếu quan sát bị cáo đã gây tai nạn làm chết bà V và tổn hại sức khỏe cho bà B. Xét thấy, hành vi của bị cáo làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang, bức xúc trong quần chúng nhân dân; chính vì vậy đối với bị cáo cần xét xử nghiêm bằng chế tài hình sự mới có tác dụng phòng ngừa chung và giáo dục riêng bị cáo.

Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo không có tiền, tiền sự nên xác định bị cáo có nhân thân tốt.

Xét về các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của bị cáo thì thấy: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại CQĐT và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo đã bồi thường đầy đủ cho gia đình bị hại; bị hại và người đại diện theo pháp luật của bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên không nhất cần thiết phải ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội và cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

[3]. Về vật chứng của vụ án: Đối với chiếc xe mô tô Honda Wave anpha, BKS: 99H6-3881 đăng ký xe mang tên anh Phạm Đình T, sinh năm 1980: trú tại: Thôn A, xã Đ, huyện T, tỉnh B. Sau đó, anh T bán xe cho chị B. Còn chiếc xe ô tô BKS:29C-817.25 đăng ký xe mang tên Dương Trọng B. Ngày 29/12/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 03 trả lại chiếc xe ô tô BKS: 29C-817.25 cho Dương Trọng B, trả lại chiếc xe mô tô, BKS: 99H6-3881 cho ông Nguyễn Bá L, sinh năm 1966; trú tại: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh B (chồng của bà B) là phù hợp quy định pháp luật nên HĐXX không xem xét.

Đối với 01 giấy phép lái xe hạng C số: 990993991620 do Sở Giao thông vận tải thành phố H cấp ngày 06/12/2019 ghi họ tên Dương Trọng B là tài L đang được lưu trữ trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, do bị cáo không bị áp hình phạt bổ sung là cấm hành nghề lái xe nên HĐXX tuyên trả cho bị cáo là phù hợp quy định của pháp luật.

[4.] Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại Nguyễn Thị B và người đại diện theo pháp luật của bị hại Đỗ Thị V không yêu cầu Tòa án xem xét nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố bị cáo Dương Trọng B phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

* Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Trọng B 25 (hai mươi lăm) tháng tù, Nng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 50 (năm mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo B cho Ủy ban nhân dân xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

* Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại bị cáo 01 giấy phép lái xe hạng C số: 990993991620 do Sở Giao thông vận tải thành phố H cấp ngày 06/12/2019 ghi họ tên Dương Trọng B.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án. Buộc bị cáo Dương Trọng B phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bà B và người đại diện theo pháp luật của bị hại bà V vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B.
- VKSND tỉnh B.
- VKSND huyện T.
- THADS huyện T
- (án có hiệu lực pháp luật).
- Bị cáo.
- UBND xã nơi bị cáo cư trú.
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Xuân Hà

